

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2025

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thanh Dung
Ông Dương Minh Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11-6-2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn Thanh Tr, xã Tam Ngh, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê V, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn Thanh Tr, xã Tam Ngh, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Lê V tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (nay là tỉnh Quảng Nam) vào năm 1989. Cuộc sống chung giữa vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông V thường xuyên rượu chè, nhiều lần đánh đập, chửi mắng vợ con. Hiện nay bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông V được nên bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê V.

- Về con chung: bà và ông Lê V có 02 con chung là Lê Hoàng Tr, sinh ngày

30/4/1989 và Lê Hoàng H, sinh ngày 02/8/1993. Con chung đã trưởng thành, đều khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê V: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lê V vắng mặt, không có lý do. Do đó, việc lấy lời khai của ông Lê V và việc hòa giải không thực hiện được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Bị đơn ông V vắng mặt lần thứ hai nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông V vẫn đảm bảo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Thanh H được ly hôn với ông Lê V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: đề nghị buộc bà H chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Huỳnh Thị Thanh H có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê V, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn ông V có địa chỉ tại thôn Thanh Trà, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”.

Bị đơn ông Lê V đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày và không tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không hòa giải được; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Lê V xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là tỉnh Quảng Nam) vào năm 1989 theo quy định. Việc bà H, ông V kết hôn với nhau không vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà H thì vợ chồng bà thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông V thường xuyên rượu chè, đánh đập, chửi bới vợ con. Hiện tại vợ chồng bà đã ly thân, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến tham gia hòa giải để hàn gắn lại mối quan hệ nhưng ông V vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: bà và ông Lê V có 02 con chung là Lê Hoàng Tr, sinh ngày 30/4/1989 và Lê Hoàng H, sinh ngày 02/8/1993. Con chung đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh H về việc “*Tranh chấp ly hôn*” đối với bị đơn ông Lê V.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Thanh H và ông Lê V.

3. *Về con chung, tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007067 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. (bà H đã nộp đủ).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23-6-2024). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

